TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-6-2022
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thanh Tuyền.

2. Ông Nguyễn Tấn Để.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/5/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị P, sinh năm 1975;

- *Bị đơn:* Anh T, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:* Năm 1994 chị P và anh T cưới nhau theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Tuy hoàn cảnh khó khăn nhưng vợ chồng sống rất hạnh phúc, chung sức làm ăn để lo cho các con. Thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cải. Tuy đã cố gắng duy trì để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng mẫu thuẫn ngày càng nhiều, không tháo gỡ được

nên đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Chị P yêu cầu ly hôn với anh T. Anh chị có 03 người con C, sinh năm 1995; C1, sinh năm 2000 và H, sinh năm 2003. Tất cả các con đã trưởng thành nên không yêu cầu về con. Chị P trình bày không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh T trình bày:* Thống nhất lời trình bày của chị P về việc cưới nhau năm 1994, không đăng ký kết hôn. Có 03 người con như chị P trình bày, hiện nay đã trưởng thành. Không có tài sản và nợ chung. Thống nhất theo yêu cầu của chị P.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Anh T và chị P sống chung từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận anh chị là vợ chồng. Không ai yêu cầu gì khác nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị P và anh T không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu giải quyết ly hôn nên Tòa án thụ lý vụ án giải quyết theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Anh T và chị P đều thống nhất ly hôn. Năm 1994 chị P và anh T sống chung như vợ chồng cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với anh chị. Theo đó, chị P và anh T không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 03 người con chung, hiện nay đều đã trưởng thành, không ai yêu cầu gì nên không xét.

[4] Về cấp dưỡng: Không ai yêu cầu nên không xét.

[5] Về tài sản và nợ chung: Anh chị trình bày không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

[6] Án phí sơ thẩm: Chị P là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Như vậy, chị P phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 14, 53, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa chị P và anh T.

2- Án phí sơ thẩm: Chị P chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005336 ngày 13/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

3- Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận